

Xét đề nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo (công văn số 4125-SDH ngày 26-6-1994); ý kiến nhất trí của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường với Bộ Giáo dục và Đào tạo (công văn số 1565-TCCBKH ngày 28-7-1994),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Giao nhiệm vụ đào tạo trên đại học cho Trường Đại học Ngoại thương.

Điều 2.- Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quy định các chuyên ngành đào tạo cho Trường Đại học Ngoại thương.

Điều 3.- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tài chính; Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương và Thủ trưởng các Bộ, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

NGUYỄN KHÁNH

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 467-TTg ngày 29-8-1994 về một số quy định cụ thể thực hiện Điều 1 trong Quyết định số 92-TTg ngày 7-3-1994.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Các công trình đã hoàn thành năm 1993, năm 1994, không phải duyệt lại tổng dự toán nhưng chỉ được ghi vốn để thanh toán nợ

khối lượng đã làm, được cấp vốn để thanh toán theo dự toán hạng mục đã được duyệt, theo khối lượng phù hợp với thiết kế, có xác nhận phiếu giá của Ngân hàng cơ sở.

Các công trình chuyển tiếp và sẽ hoàn thành năm 1994, năm 1995, nếu đã thi công kéo dài nhiều năm, đã khởi công từ trước năm 1992 nhưng chưa đủ điều kiện lập tổng dự toán thì chỉ được duyệt lại dự toán khối lượng xây dựng từ năm 1994 đến khi hoàn thành nhằm quản lý việc cấp phát để thanh toán và phải được duyệt lại luận chứng kinh tế kỹ thuật (nếu vượt vốn theo quy định).

Điều 2.- Đối với công trình đặc thù quy mô lớn (có tổng vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng, tương đương 10 triệu USD trở lên) của một số ngành như thủy lợi, giao thông... đang xây dựng và đã thi công nhiều năm, luận chứng kinh tế kỹ thuật đã duyệt chia giai đoạn theo các mục tiêu đầu tư (đã được quy định trong luận chứng kinh tế kỹ thuật) làm căn cứ để duyệt thiết kế và dự toán phục vụ cho việc xây dựng, ghi kế hoạch và cấp vốn thanh toán.

Các công trình nhỏ (có tổng vốn đầu tư nhỏ hơn một tỷ đồng), tuy chỉ cần làm báo cáo kinh tế kỹ thuật, thuyết minh ngắn gọn về quy mô yêu cầu để xét duyệt chủ trương, về thiết kế áp dụng thiết kế mẫu nhưng vẫn phải được duyệt dự toán xây lắp vì có sự khác nhau về nền móng và giá cả vật liệu xây dựng giữa các địa điểm.

Điều 3.- Những công trình khởi công mới năm 1994 nhất thiết phải có đủ hồ sơ luận chứng kinh tế kỹ thuật, hồ sơ thiết kế và tổng dự toán được duyệt. Nếu các công trình đó đã được bố trí vốn kế hoạch 1994, đến nay chưa có đủ điều kiện trên, nhưng có yêu cầu đầu tư cấp bách, các Bộ và địa phương có thể đăng ký một số vốn để làm công tác khảo sát thiết kế lập tổng dự toán, chuẩn bị xây dựng để khởi công 1995.

Các công trình chuyển tiếp quan trọng của các Bộ và địa phương đã được giao kế hoạch theo Quyết định số 62-TTg ngày 8-2-1994, vẫn phải bảo đảm thủ tục theo đúng quy định. Trong trường hợp đến nay chưa kịp bổ sung đầy đủ thủ tục nhưng do yêu cầu cấp bách cần được tiếp tục thi công trong năm 1994 thì phải xin phép Thủ tướng Chính phủ đối với từng công trình, đồng thời vẫn phải tiếp tục hoàn tất thủ tục và chậm nhất đến ngày 30 tháng 9 năm 1994 phải làm xong.

Điều 4.- Đối với những công trình khác đã được ghi kế hoạch năm 1994 của các Bộ và địa phương đến ngày 30 tháng 7 năm 1994 đã được bổ sung đầy đủ thủ tục, hoặc hồ sơ tài liệu đã gửi đến cơ quan thẩm định Nhà nước, thì Ủy ban Kế hoạch Nhà nước thông báo thỏa thuận kế hoạch đợt cuối cùng trong tháng 8 năm 1994. Những công trình chưa xong thủ tục, xem như không được bố trí trong kế hoạch thi công năm 1994, các Bộ và địa phương phải tiếp tục hoàn thành mọi thủ tục để làm căn cứ ghi kế hoạch 1995. Những công trình này nếu có yêu cầu có thể được ghi một số vốn để khảo sát thiết kế lập tổng dự toán, chuẩn bị xây dựng.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

**LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI -
 TÀI CHÍNH**

**THÔNG TƯ liên Bộ số 21-LB/TT
 ngày 18-6-1994 hướng dẫn thực
 hiện các chế độ bảo hiểm xã
 hội theo hình thức bắt buộc.**

Thi hành Nghị định số 43-CP ngày 22-6-1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ bảo hiểm xã hội; sau khi có ý kiến của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các cơ quan có liên quan, liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính hướng dẫn thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội theo hình thức bắt buộc như sau:

A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Đối tượng bắt buộc áp dụng đủ 5 chế độ bảo hiểm xã hội quy định tại điểm 1, Điều 2 Nghị định số 43-CP ngày 22-6-1993 của Chính phủ gồm:

I. CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

1. Cán bộ giữ chức vụ dân cử, bầu cử trong các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể từ Trung ương đến cấp huyện;
2. Công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức sự nghiệp của Nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện;
3. Cán bộ, công nhân, viên chức trong cơ quan Đảng, đoàn thể, các Hội từ Trung ương đến cấp huyện;
4. Công chức, viên chức Nhà nước biệt phái làm việc ở xã, phường, ở các Hội, các dự án, các tổ chức quốc tế đặt tại Việt Nam.

II. CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC TỔ CHỨC KHÁC

1. Công nhân, viên chức làm việc trong các doanh nghiệp Nhà nước kể cả các tổ chức kinh doanh, dịch vụ thuộc cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang, Đảng, đoàn thể, các Hội;
2. Công nhân, viên chức làm việc trong đơn vị sự nghiệp kinh tế;
3. Người lao động làm việc hưởng tiền lương hoặc tiền công ở những đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh có sử dụng từ 10 lao động trở lên;
4. Người lao động Việt Nam làm việc trong khu chế xuất, khu kinh tế đặc biệt, tổ chức liên doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan ngoại giao, đại diện tổ chức quốc tế và tổ chức khác của người nước ngoài tại Việt Nam.

Các đối tượng quy định trong phần A này bao gồm cả những người được cử đi học, thực tập, công tác, điều dưỡng trong và ngoài nước v.v...

B. CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI

I. CHẾ ĐỘ TRỢ CẤP ỐM ĐAU

1. Điều kiện được hưởng trợ cấp:

Người lao động nghỉ việc vì ốm đau, tai nạn rủi ro; lao động nữ có con thứ nhất, thứ hai (kể cả con nuôi hợp pháp), hoặc trường hợp đặc biệt có